

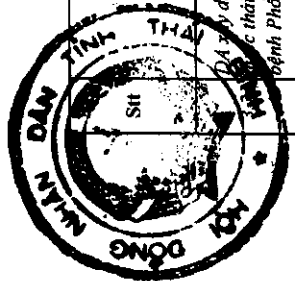
KẾ HOẠCH VỐN ĐÒI ƯNG- NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH CÁC DỰ ÁN ODA VÀ NGO GIAI ĐOẠN 2018-2020 TỈNH THÁI BÌNH
(Kèm theo Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Biểu 01

Đơn vị: Triệu đồng

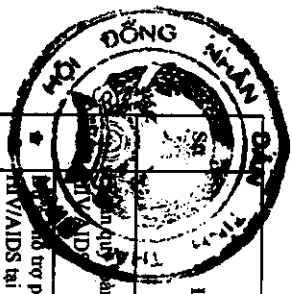
STT	Tên dự án	Chủ dự án	Nhà tài trợ	QĐ phê duyệt dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư			NĐ, mục tiêu, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Kế hoạch vốn 2016		Kế hoạch vốn 2017		KH vốn chi trả theo với tổng mức đầu tư 2018-2020 (theo số liệu tính)		KH vốn chi trả theo KH và GHI 2018-2020 (theo số liệu tính)	Chi phí
					ODA/NGO	Vốn đối ứng	Tổng cộng			Vốn đối ứng	ODA	Đối ứng ngân sách tỉnh	ODA	Đối ứng ngân sách tỉnh			
1	Dự án ODA				1.114.771	281.425	1.396.174		4.034	16.449	38.602	18.000	569.998	281.213	90.000		
	Tổng số				1.112.868	280.758	1.393.604			15.570	38.602	18.000	569.998	280.918	89.705		
1.1	Dự án hoàn thành, đi vào sử dụng trước 01/01/2017				234.169	42.053	276.222			6.937	37.602	5.583	30.108	10.984	11.000		
1	Dự án bên khách ngang sông, bên Nhịê Tô huyện Hưng Hà thuộc dự án phát triển giao thông vận tải khu vực Đông Bắc Bộ									1.819							
2	Dự án cảnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm- Pha I (2010-2015)									1.321							
3	Chương trình nước và vệ sinh các thị trấn ở Việt Nam																
4	Dự án cải tạo và xây dựng hệ thống thoát nước thành phố Thái Bình	UBND thành phố	Nhauy	2461; 04/9/2008 3683; 14/12/2016	234.169	42.053	276.222	XD tran xử lý 10000m3/ngày đm.	2008-2016	45.000	3.797	37.602	5.583	30.108	10.984	11.000	
1.2	Dự án chuyển tiếp				846.435	232.251	1.078.664	Tăng cường năng lực cung ứng dịch vụ y tế, Giám các rào cản và tái chính trong việc tiếp cận các dịch vụ y tế: Quản lý giám sát và đánh giá dự án	2014-2019		7.134		12.317	539.890	204.934	32.835	
1	Dự án hỗ trợ y tế các tỉnh vùng Đông bằng sông Hồng và Đông Bắc Bộ	Ban QLDA hỗ trợ y tế các tỉnh Đông Bắc bộ và DBSH	WB	2816/QĐ-UBND ngày 26/11/2014	220.500	6.485	226.985			1.600		450	142.531	2.819	2.300		
2	Dự án hợp phần phát triển bệnh viện Nhi Thái Bình	Bệnh viện Nhi	JICA	Số 1153; 05/6/2013 1729; 30/6/2016 1183; 15/5/2017	124.661	18.757	143.418	Mua sắm thiết bị	2014-2018	13.000	500	3.835	89.011	8.990	9.000		
3	Dự án xây dựng hệ thống xử lý chất thải tại khu trung tâm y tế tỉnh và một số bệnh viện (gồm 05 dự án hợp phần)	Sở Y tế	WB		70.475	8.160	78.613			254		1.432	69.475	5.656	5.710		
3.1	Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải y tế bệnh viện đa khoa Phủ Dục	Sở Y tế	WB	1740 ngày 04/8/2015	5.666	1.036	6.680	150m3/ngày đm.	2016-2018	34		87	5.666	713	750		

KS



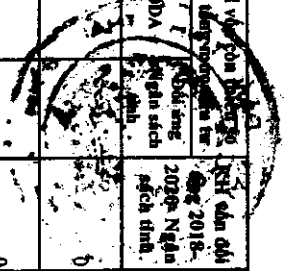
Dự án	Chủ dự án	Nhà tài trợ	Ngày phê duyệt dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư			Thời gian thực hiện dự án	Kế hoạch vốn 2016		Kế hoạch vốn 2017		KH vốn cho vay đối với đồng bào dân tộc thiểu số vùng biên giới tỉnh	Ghi chú	
				ODA/NGO	Vốn đối ứng	Tổng cộng		ODA	Vốn đối ứng	ODA	Đối ứng ngân sách tỉnh			
3.3	DA xây dựng hệ thống xử lý nước thải y tế bệnh viện Lao và bệnh Phổi	WB	1739 ngày 04/8/2015	4.788	804	5.592	2016-2018		31		88	4.788	510	
3.4	DA xây dựng hệ thống xử lý nước thải y tế bệnh viện Đa khoa tỉnh	WB	1808 ngày 12/8/2015	24.763	2.550	27.313	2016-2018		118		200	24.763	1.800	
3.5	Dự án xử lý nước thải khu trung tâm y tế	WB	2967 ngày 20/10/2016	23.650	2.805	26.455	2018		-		500	23.650	2.300	
4	Dự án Hỗ trợ xử lý rác thải lây nhiễm tại BVDK Quỳnh Phư	WB	309 ngày 01/02/2016	11.608	965	12.573	2016-2018		72		557	10.608	350	
5	Dự án nâng cấp tuyến đê biển kết hợp giao thông thuộc Chương trình SPRCC	Hỗ trợ qua ngân sách	1724 ngày 31/7/2015 và 2326 ngày 30/8/2017	155.000	100.723	255.723	2015-2018	18.750	1.000		1.100	56.250	98.623	5.300
6	Dự án XD công trình phục hồi và phát triển rừng ngập mặn ven biển tỉnh Thái Bình nhằm ứng phó với BĐKH toàn cầu và nước biển dâng thuộc chương trình SPRCC	Hỗ trợ qua ngân sách	1709 ngày 30/7/2015 và 2259 ngày 24/8/2017	137.214	18.856	156.070	2015-2019	11.280	1.000		4.700	82.214	13.156	6.495
7	Dự án giảm sóng ổn định bãi và trồng rừng ngập mặn bảo vệ đê biển 5 và 6, tỉnh Thái Bình thuộc chương trình SPRCC	Hỗ trợ qua ngân sách	1692; 28/7/2015 và 2258; 24/8/2017	44.757	310	45.067	2015-2019	9.307	80			22.450	230	230
1.3	Dự án cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm pha II (2016-2020)	WB	1962; 27/5/2015	93.828	78.960	172.788	2016-2018		2.700		800	77.959	75.460	3.800
1.3.1	Dự án khởi công một năm 2017 và năm tiếp theo			32.264	6.454	38.718			1.500		100	65.000	45.870	
1.3.2	Dự án đầu tư ký hiệp định			84.241	18.954	103.195			1.500		100	83.241	17.354	17.354
1	Dự án tăng cường hệ thống xử lý chất thải y tế bệnh viện phụ sản và một số bệnh viện đa khoa tuyến huyện tại Thái Bình do Chính phủ Đức tài trợ	Chính phủ Đức	140 ngày 15/01/2016	32.264	6.454	38.718	2017-2019			1.000	100	31.264	6.354	6.354
2	Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai		2618 ngày 28/9/2016	51.977	12.500	64.477	2017-2022		1.500			51.977	11.000	11.000
1.3.2	Dự án chuẩn bị ký hiệp định			195.846	68.502	264.348						195.846	47.646	28.516
1	Dự án phát triển CSHT hỗ trợ ứng phó BĐKH huyện Thái Thụy			195.846	68.502	264.348	2018-2021					195.846	47.646	28.516
II	Dự án NGO			1.903	667	2.570	4.034		879			295	295	295

Handwritten signature or mark.



STT	Dự án	Chủ dự án	Nhà tài trợ	QĐ phê duyệt dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư			ND, mục tiêu, quy mô đầu tư	Thời gian thực hiện dự án	Kế hoạch vốn 2016		Kế hoạch vốn 2017		KH vốn ODA với tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo bền vững	KH vốn ODA với tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo bền vững	Ghi chú
					ODA/NCO	Vốn đối ứng	Tổng cộng			ODA	Vốn đối ứng	ODA	Đã thực hiện ngân sách tỉnh			
1	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS								250						0
2	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tại Việt Nam (Ủ CDC-Hoa Kỳ tài trợ)	Trung tâm phòng chống HIV/AIDS								250						0
3	Nâng cao năng lực, phát triển tình hội do Hội chữ thập đỏ Naury tài trợ	Hội chữ thập đỏ tỉnh								150						0
4	Dự án rừng ngập mặn giảm thiểu rủi ro thảm họa- Nhật Bản tài trợ	Hội chữ thập đỏ tỉnh								100						0
5	Dự án mái nhà an toàn tại xã Quỳnh Khê, huyện Quỳnh Phú	Hội chữ thập đỏ tỉnh								129						
6	Dự án mái nhà an toàn tại xã Việt Thuận, huyện Vũ Thư	Hội chữ thập đỏ tỉnh	HABIT AT	655/QĐ-UBND ngày 21/3/2017	887	288	1.175		2017	-				133	133	
7	Dự án mái nhà an toàn tại xã Quỳnh Báo, huyện Quỳnh Phú	Hội chữ thập đỏ tỉnh	HABIT AT	4037/QĐ-UBND ngày 30/12/2016	1.015	379	1.395		2017	-				162	162	

85



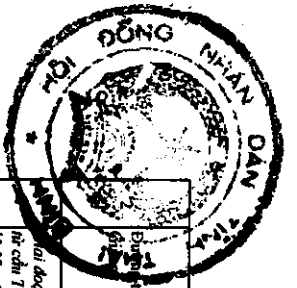


Biên 02
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG HỖ TRỢ CƠ MỤC TIÊU, ĐỀ XUẤT ĐÓI ƯNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH GIAI ĐOẠN 2018-2020

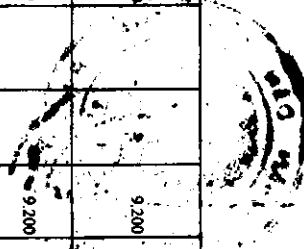
(Kèm theo Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 12/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015				Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2016-2020				Kế hoạch giai đoạn 2018-2020						Ghi chú					
		Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh		Số quyết định, ngày, tháng, năm		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Trong đó:			Trong đó:				
		4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		18	19	20		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20		
TỔNG CỘNG (A+B+C)																					
A	BỒI ƯƠNG DỰ ÁN HOÀN THÀNH																				
1	Cải tạo, nâng cấp đường cầu hồ cứu nạn từ đường 39B đi các xã Tý Ninh, Đông Trung, Đông Hoàng, huyện Tiền Hải	1700; 10/9/2010	267.683	63.900	37.000	23.500	122.200	29.000	93.200	73.000	29.000	44.000	49.200	-	40.000	-	-	-	-	9.200	
2	Cải tạo, nâng cấp đường cầu hồ cứu nạn từ đường 39B đi các xã Tý Ninh, Đông Trung, Đông Hoàng, huyện Tiền Hải	2095A; 21/10/2011	198.656	83.429	35.000	48.429	70.077	37.000	33.077	59.508	37.000	22.508	10.569	-	10.569	-	-	-	-	-	
3	Đường 217 (ĐT 396B) từ cầu Hiệp đến Quốc lộ 39 (GĐ1 từ cầu Hiệp đến Quốc lộ 10)	2378; 09/10/2012	571.256	188.270	143.000	45.270	167.950	123.180	44.750	53.000	50.000	3.000	114.930	73.180	36.000	-	-	-	-	5.750	
4	Neo vệt, kẻ bờ sông Bạch, thành phố Thái Bình	533; 22/3/2013	126.546	85.395	76.898	8.497	7.459	-	7.459	2.000	-	2.000	5.459	-	5.459	-	-	-	-	-	
5	Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu lưu niệm Nhà bác học Lê Quý Đôn, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình (Giai đoạn I)	2368; 30/10/2013	61.399	28.200	20.000	8.200	21.000	-	21.000	9.000	-	9.000	12.000	7.016	12.000	-	-	-	-	-	
6	Cầu vượt sông Trà Lý	909; 5/5/2014	505.662	80.544	-	80.544	344.312	164.012	180.300	157.800	39.000	118.800	186.512	125.012	50.000	-	50.000	-	-	11.500	
7	Hạ tầng nuôi trồng thủy sản cảnh, đồng kính 80, xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy	913; 15/5/2013	50.162	29.775	29.775	-	16.225	10.225	6.000	7.951	7.951	-	8.274	2.274	6.000	3.639	-	-	-	-	
8	Cải tạo, nâng cấp đường cầu hồ cứu nạn từ thị trấn Diêm Điền đến đê sông Hóa xã Thụy Tân, huyện Thái Thụy (ĐT 461)	1625 ngày 15/7/2014	105.835	14.000	10.000	4.000	81.050	24.000	57.050	28.000	16.000	12.000	53.050	8.000	37.000	-	-	-	-	8.050	
9	Du án đường ĐT.453 (đường tỉnh 226 cũ)	3296; 31/12/2014	195.094	3.695	-	3.695	142.928	60.000	82.928	65.000	20.000	45.000	77.928	40.000	30.000	-	-	-	-	7.928	
B	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP																				
1	Cải tạo, nâng cấp đường cầu hồ cứu nạn sông Luộc, sông Hóa từ An Khê đi An Mỹ, huyện Quỳnh Phụ (ĐT 72)	2059A; 15/10/2011	258.041	120.640	76.640	44.000	26.360	16.360	10.000	16.360	16.360	-	10.000	-	10.000	-	-	-	-	-	
			2.467.668	473.264	121.140	352.124	982.798	460.808	521.990	382.594	207.504	175.090	600.204	253.304	317.000	40.101	29.900	7.928	29.900	9.200	

75



1	Đường QL 39 đoạn 1 Đoạn 2: Từ xã chính hạ cấp QL 39 đến Quốc lộ 39, xã Đông Yên	2468; 17/10/2012	636.595	282.124	25.000	257.124	128.348	51.148	77.200	91.167	38.167	53.000	37.181	12.981	15.000	9.200
2	Đường của bộ cứu nạn từ đường tỉnh 16 452 đến phố Là Tiến	2371; 30/10/2013	51.486	8.000	8.000	-	20.500	10.500	10.000	10.500	10.500	-	10.000	-	10.000	-
3	Đường 217 từ Cầu Hiệp đến QL 39 (giai đoạn 2 từ QL 10 đến QL 39)	3134; 25/12/2014	584.000	-	-	240.000	55.000	185.000	20.000	-	-	20.000	220.000	55.000	165.000	20.101
4	Dự án khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại Cửa Lan, xã Nam Thịnh, huyện Tĩnh Hải (giai đoạn 1)	2374; 10/10/2014	112.548	11.000	10.000	1.000	68.800	52.800	16.000	44.049	33.049	11.000	24.751	19.751	5.000	-
5	Tu bổ, tôn tạo khu lưu niệm Lãnh tụ Nguyễn Đức Cảnh, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình (giai đoạn 1)	2374; 30/10/2013	39.112	1.500	1.500	-	32.000	20.000	12.000	30.000	20.000	10.000	2.000	-	2.000	-
6	Cải tạo nâng cấp đường ĐT.453(đường 216) Đoạn từ thị trấn Quỳnh Côi đến Đoạn 16 10	1753; 31/7/2014	280.000	50.000	-	50.000	147.790	60.000	87.790	63.590	10.000	53.590	84.200	50.000	25.000	9.200
7	Đường trục đến trung tâm huyện Quỳnh Phú nối từ đường ĐT.396B đến đường ĐT.72 (ĐT.75), huyện Quỳnh Phú	1580; 15/7/2015	255.530	-	-	139.500	65.000	74.500	33.000	18.000	15.000	106.500	47.000	48.000	20.000	11.500
8	Nâng cấp hệ thống đê Hữu Lộc từ K0 - K36, giai đoạn II, giai đoạn 2 từ K3+000 đến K1+600, tu sửa và nâng cấp kè Đê Năm, kè Việt Yên và một số công trình trên tuyến	722; 25/9/2016	89.941	-	-	63.000	50.000	13.000	17.726	12.726	5.000	45.274	37.274	8.000	-	-
9	Dự án sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai, tỉnh Thái Bình	720; 25/9/2016	65.415	-	-	49.500	20.000	29.500	12.500	5.000	7.500	37.000	15.000	22.000	-	-
10	Dự án nâng cấp hoàn thiện cơ sở vật chất Trung tâm Cộng tác xã hội và bảo trợ xã hội	2586A; 30/10/2015	50.000	-	-	35.000	30.000	5.000	18.702	18.702	-	16.298	11.298	5.000	-	-
11	Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu hàng tin hải trường học đồng, dự báo cung - cầu lao động, khu diễn hành và đào tạo kỹ năng nghề cho người lao động, tiếp và giải quyết chính sách bảo hiểm thất nghiệp	2584A; 30/10/2015	45.000	-	-	32.000	30.000	2.000	25.000	25.000	-	7.000	5.000	2.000	-	-
12																



85



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh		Loại kế vốn đã bắt đầu từ khởi công đến hết năm 2015				Dự kiến kế hoạch giải đoạn 2016-2020				Dự kiến kế hoạch giải đoạn 2018-2020				Chi trả			
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Thanh toán nợ XDCB	Thu nhập NST	Thị trường	Xí mại	
				NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP		NSTW	NSDP					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
C	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI 2018-2020		1.191.344	-	-	-	384.000	260.000	124.000	6.000	-	6.000	378.000	260.000	118.000	11.829	-	-	-
1	Đường cứu hộ cứu nạn ĐH 91 từ xã Thái Giang đi xã Thái Dương (giai đoạn 2)	3008; 26/10/2016	156.631				39.300	27.000	12.300	300		300	39.000	27.000	12.000				
2	Cải tạo nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn từ đê sông Trà Lý đến đường 219 xã Bình Nguyên		80.000				24.200	18.000	6.200	200		200	24.000	18.000	6.000				
3	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ Thành phố Thái Bình qua cầu Tỉnh Xuyên đến huyện Hưng Hà (giai đoạn 1: Đoạn từ thành phố Thái Bình đến đường ĐH.09 huyện Vũ Thư)	3096; 28/10/2016	361.239				60.000	45.000	15.000	-		-	60.000	45.000	15.000	1.051			
4	Dự án đầu tư xây dựng một số công trình hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Tiên Hải (Trạm xử lý nước thải công suất 3.500 m ³ /ngày đêm và xây dựng đường số 1, đường số 5)	3016; 28/10/2016	100.000				49.000	44.000	5.000	-		-	49.000	44.000	5.000				
5	Hạ tầng công nghệ sản Thái Hà, huyện Thái Thủy	3079; 28/10/2016	60.000				10.200	8.000	2.200	200		200	10.000	8.000	2.000				
6	Nâng cấp hệ thống đê Hồng Hà 1 từ K133 đến K150 và từ K150 đến K160 (từ Nhật Tân đến Tân Đê), giai đoạn 2 nâng cấp một số đoạn đê từ K150 đến K158+150 và một số hạng mục công trình trên tuyến	3010; 26/10/2016	94.982				35.000	28.000	7.000	-		-	35.000	28.000	7.000	79			
7	Dự án nâng cao năng lực kiểm nghiệm, kiểm định chất lượng thuốc- mỹ phẩm- thực phẩm và đầu tư nâng cấp trang thiết bị Trung tâm Chăm sóc SKSS tỉnh Thái Bình, giai đoạn 2016 - 2020	3058; 28/10/2016	45.000				14.000	12.000	2.000	-		-	14.000	12.000	2.000				
8	Dự án Quảng trường Thái Bình xây dựng Tượng đài "Bác Hồ với nông dân", công trình: Tượng đài "Bác Hồ với nông dân"	1629; 16/7/2014	203.459				110.000	48.000	62.000	5.000		5.000	105.000	48.000	57.000	10.177			

85



10	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường mới từ đường tỉnh 463 và khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt chùa Keo, huyện Vĩnh Thuận	2980;	45.000	-	24.300	18.000	6.300	300	-	300	24.000	18.000	6.000	63		

Handwritten signature or initials.



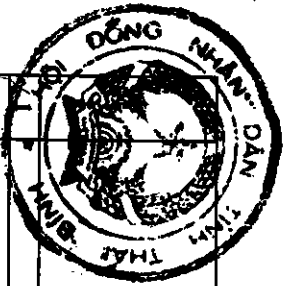


Biểu 03:
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH CHỮA QUYẾT TOÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2018-2020
 (Kèm theo Nghị quyết số **A/2017/NQ-HĐND** ngày **12/12/2017** của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

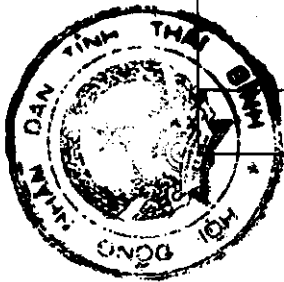
STT	Tên dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Dự kiến giai đoạn 2016-2020	Đã bố trí năm 2016, 2017	Kế hoạch 2018-2020				Ghi chú
							Tổng số	Trong đó:			
								NSDP giai đoạn 2018-2020	Thanh toán từ xi măng	Thu hồi ứng trước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
TỔNG CỘNG											
1	Dự án củng cố, nâng cấp tuyến đê Tả sông Trà Lý đoạn từ K30 đến K40 và đường cứu hộ đê từ đê Tả Trà Lý đến đường 39	2111 14/9/2009	204.187	39.231	36.277	-	36.277	27.077	9.200		
2	Tuyến đường từ QL39 đi phá Cồn Nhất (đoạn từ QL39 đến Trà Giang) - GP I: Cầu Trà Giang và đường hai đầu cầu (phần bổ sung đang trình quyết toán)		12.192		12.192	-	12.192	2.440	9.752		
3	Dự án xử lý khẩn cấp kè Nội Lang đoạn từ K2+300 đến K2+200 và kè hướng dòng thượng lưu công Tân Lập, xã Nam Hải, huyện Tiên Hải	3478; 30/11/2016	10.739		9.452	2.500	6.952	1.961	4.991		
4	XLKC đê cửa sông Hữu Diêm Hộ K1+050 - K4+800 và gia cố chân kè Hà My đoạn đầu kè, huyện Thái Thụy	3077; 28/10/2016	14.982		14.452	2.500	11.952	2.395	9.557		
5	Xử lý cấp bách Đê cửa sông Tả Diêm Hộ, từ K0+300 - K2+300, xã Thụy Liên, Thái Thụy	3547; 08/12/2016	14.716		12.663	2.500	10.163	2.032	8.131		
6	Dự án xử lý khẩn cấp kè Nam Hồng đoạn từ K6+765 đến K6+965, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình	3302; 15/11/2016	9.614		9.614	2.000	7.614	2.174	5.440		
7	Sửa chữa khắc phục thiệt hại do bão số 01 năm 2016 gây ra đối với công trình Nhà thi đấu TDTT đa năng tỉnh	263; 23/01/2017	9.738		9.738	5.000	4.738	4.738			
8	Xử lý thiệt hại bão số 1 năm 2016 - trường Đại học TB	489; 27/02/2017	4.162		3.964	1.500	2.464	2.464			
9	Khắc phục thiệt hại do bão số 1 năm 2016 công trình bệnh viện Nhi Thái Bình	971; 19/4/2017	30.051		21.751	3.000	18.751	18.751			
10	Xử lý khẩn cấp sạt lở bờ kênh cấp chính Thái Đê	64; 03/7/2013	1.560	1.000	450	-	450	450			
11	Xây dựng phục hồi Đền Mẫu thuộc khu di tích lịch sử Đền Trần, xã Triện Đức, huyện Hưng Hà	48; 15/01/2010	24.348	28.069	1.640	1.400	240	240			

HS



STT	Tên dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh	Lượng kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Dự kiến giải đoạn 2016-2020	Đã bố trí năm 2016, 2017	Kế hoạch 2018-2020					Ghi chú
							Tổng số	NSDP giải đoạn 2018-2020	Trong đó: Thanh toán từ xi măng	Thu hồi đng trước		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
12	Dự án đầu tư xây dựng Đền thờ liệt sỹ, tỉnh Thái Bình - Hàng mục; Ngoại cảnh, kê hồ, nhà bảo vệ, công chính, nhà văn bia	2026; 26/7/2016	17.648	7.934	9.500	6.500	3.000	3.000				
13	Bãi đỗ xe thuộc báo cáo KTKT xây dựng công trình Sân lắp mặt bằng và xây dựng bãi đỗ xe cụm đình A Sào	145; 15/01/2014	9.276	6.081	1.406	500	906	906				
14	Cải tạo, sửa chữa nhà học 3 tầng 18 phòng học và các hạng mục phụ trợ trường THPT Nam Duyên Hà	2586; 23/9/2016	8.021		7.986	4.586	3.400	3.400				
15	Nhà khám và điều hành Bệnh viện Phụ sản	2334; 30/9/09 2929; 14/12/2012	50.817	41.567	6.227	4.227	2.000	2.000				
16	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm thiết bị cho Trụ sở Tiếp công dân và Trụ sở Đội cảnh sát bảo vệ	3519; 5/12/2016	818		826	750	76	76				
17	Tu bổ, tôn tạo di tích đền Văn Đài, miếu Đông Đài, xã Chi Hòa, Huyện Hưng Hà	1214; 17/5/2017	14.481		13.677	1.411	12.266	12.266				
18	Nhà điều trị bệnh nhân phong số 4, Bệnh viện Phong da liễu Văn Môn	1369; 20/6/2014	9.131	3.150	4.894	3.000	1.894	1.894				
19	Nhà làm việc Văn phòng Sở NN&PTNT		2.100	750	930		930	930				
20	Cải tạo công, nhà bảo vệ; cải tạo cầu vào trường; Sân, bồn hoa, HT thoát nước trường THPT Nam Duyên Hà		1.497		751	500	251	251				

Handwritten signature or mark.



Biểu 04

DỰ KIẾN DANH MỤC CÁC DỰ ÁN PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2018-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 17/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

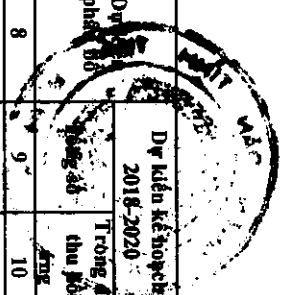
Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh	Lấy kế vốn đã bố trí từ khế hoạch công đến hết năm 2015	Dự kiến giai đoạn 2016-2020	Đã bố trí năm 2016, 2017	Dự kiến kế hoạch 2018-2020		Ghi chú	
							Dự kiến phân bổ	Tổng số		Trong đó: thu hồi ứng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
TỔNG CỘNG										
A CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP										
1	Đường cứu hộ cứu nạn liên xã Quang Bình, Quang Minh, Minh Tân, Bình Thành huyện Kiến Xương	2056; 14/10/2011	341.755	73.000	80.000	20.000	60.000			
2	Tuyến đường ĐT.456 (đường trục I) từ cầu Vô Hối đến Diêm Điền, huyện Thái Thụy	3124; 31/10/2016;	298.175		215.000	115.000	100.000			
3	Tuyến đường trục ĐH.60 đoạn từ cầu Văn Cẩm (ĐT.452) đi Đò Kỳ (ĐT.455) và đoạn từ ngã tư Trần Xá xã Văn Cẩm đi xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà sang xã Quỳnh Nguyên, huyện Quỳnh Phụ	36; 10/6/2015 1452; 21/04/2017	85.000		67.000	12.000	55.000			
4	Dự án Đường vành đai phía nam, đường từ nút giao xã Vũ Đông đến nút giao QL 10 xã Đông Mỹ (từ cọc C51 đến nút giao QL 10)	135; 14/01/2016	302.128		245.637	194.021	51.616	51.616	51.616	
5	Cầu qua sông 3/2 trên tuyến đường Kỳ Đồng kéo dài và nạo vét sông 3/2 (đoạn từ chợ cầu Nè đến sông Kiến Giang) Thành phố	771; 31/03/2016	24.924		21.410	9.410	12.000			
6	Cầu Vũ Trung - Vũ Quý, huyện Kiến Xương	1732; 26/9/2014	37.000	12.000	24.941	4.941	20.000			
7	Tuyến đường ĐT455 (đường 216 cũ) đoạn từ nút giao với đường Thái Bình - Hà Nam đến xã Quỳnh Nguyên huyện Quỳnh Phụ	636; 16/3/2017	56.292		45.000	-	45.000			
8	Sửa chữa, nâng cấp đường Nguyễn Mậu Kiến (đoạn qua Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình)	546; 04/3/2016	16.974		16.000	12.000	4.000			
9	Cải tạo, nâng cấp trại nuôi cá thực nghiệm nuôi cá Hòa Bình và Trại giống nước ngọt Vũ Lạc thuộc trung tâm giống thủy sản Thái Bình	3078; 28/10/2016	10.068		10.000	3.000	7.000			
10	Xử lý khẩn cấp kè Đào Thành xã Canh Tân, huyện Hưng Hà từ K4+100 đến K4+700, đê hữu Luộc	3673; 14/12/2016	14.420		13.000	3.000	10.000			
11	Xử lý khẩn cấp đê bồi Hồng Minh - Chí Hòa, từ K2+900 đến K6+200, đê tá Trà Lý, huyện Hưng Hà	3435; 28/11/2016	14.487		13.000	4.000	9.000			

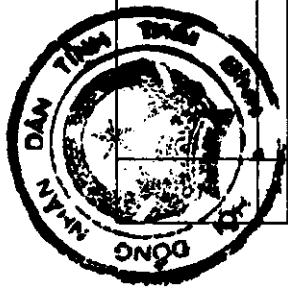
(Handwritten signature)



STT	Tên dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh	Lũy kế vốn đã bỏ từ khi khởi công đến hết năm 2015	Dự kiến giải ngân 2016-2020	Đã bỏ từ năm 2016, 2017	Dự kiến phân bổ ngân sách	Dự kiến kế toán học 2016-2020		Ghi chú
								Trong đó: thu phí	Ấm	
2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
12	Xử lý khẩn cấp đoạn cuối kè Vũ Bình và kè hai bờ cửa vào phía thượng lưu công Nguyễn Lâm, xã Vũ Bình, huyện Kiến Xương	31; 09/01/2017	14.985		13.000		13.000			
13	Xử lý khẩn cấp kè Nam Hồng từ K6+765 đến K6+956, huyện Tiên Hải	1868; 12/7/2017	9.614		9.500	2.000	7.500			
14	Xử lý cấp bách đê cửa sông Tả Diêm Hô, đoạn từ K0+300 đến K2+300, xã Thủy Liên, huyện Thái Thụy	3547; 8/12/2016	14.716		13.000	2.500	10.500			
15	Cải tạo, sửa chữa trạm thủy sản Bắc Thái Bình	323; 03/2/2017	1.407		1.000	-	1.000			
16	Dự án tăng cường năng lực quan trắc, phân tích tài nguyên và môi trường	1456; 10/6/2016	5.755		5.500	4.500	1.000			
17	Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh	2355; 1/9/2017	34.900	0	24.000	4.000	20.000			
18	Dự án đầu tư xây dựng các hạng mục phụ trợ Bệnh viện Mắt	2357; 01/9/2017	14.958	0	12.000	4.300	7.700			
19	Dự án đầu tư xây dựng trường cán bộ thanh thiếu nhi	2727; 04/10/2016	11.039		10.100	5.100	5.000			
20	Đầu tư xây dựng nhà lớp học 3 tầng và khu dinh dưỡng trường mầm non Hoa Hồng	180; 31/10/2016	7.622		7.277	3.277	4.000			
21	Dự án cải tạo, sửa chữa một số hạng mục công trình Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình	381; 15/2/2017; 774; 05/4/2017	4.302		4.000	-	4.000			
22	Tu bổ, tôn tạo Đình, Đền, Chùa, Miếu Bình Cách xã Đông Xá, huyện Đông Hưng	940; 26/5/11	19.811	10.639	7.500	2.500	5.000			
23	Dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích đình, đền Lại trí, xã Vũ Tây, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình	181; 31/10/2016	25.000		23.000	7.000	16.000			
24	Khu hành cung Lỗ Giang, xã Hồng Minh, huyện Hưng Hà		19.132		19.000	10.000	9.000			
25	Cụm bến Tướng thuộc khu di tích lịch sử Nhà Trần: Đình, Đền, Bến Tướng A Sào, xã An Thái, huyện Quỳnh Phụ	2680; 13/10/2017	32.800		25.000	3.000	22.000			
26	Xây dựng nhà để xe ô tô tại Trụ sở Tỉnh ủy	1244; 19/5/2017	1.643		1.600	-	1.600			
27	Trụ sở làm việc Công an huyện Quỳnh Phụ	6523; 24/10/2013	70.313	22.714	11.063	10.746	317			

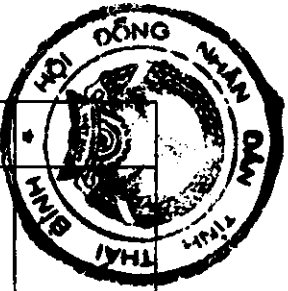


Handwritten signature



STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh	Lũy kế vốn đã bỏ từ khi khởi công đến hết năm 2015	Dự kiến giai đoạn 2016-2020	Đã bỏ từ năm 2016, 2017	Dự kiến phân bổ	Dự kiến kế hoạch		Ghi chú
								2018-2019	Tổng số (Đến hết năm 2017)	
	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
28	Trụ sở làm việc Công an huyện Thái Thụy	307B; 24/10/2014	64.827	14.500	25.000	8.000	17.000			
29	Doanh trại - Bộ CHQS tỉnh	4508; 29/10/2015	200.000		90.737	40.737	50.000			
30	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin vào phần mềm quản lý hồ sơ người có công	3128a; 31/10/2016	2.734		2.734	1.000	1.734			
31	Đầu tư xây dựng thư viện điện tử thư viện số tỉnh Thái Bình phục vụ phát triển KTVHXXH địa phương	3103; 28/10/2016	7.700		7.700	3.000	4.700			
32	Dự án phục chế, tu sửa, bảo quản, sưu tầm và trưng bày hiện vật thuộc Khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại xã Tân Hoà, huyện Vũ Thư	3092; 28/10/2016	2.429		2.000	1.000	1.000			
33	Cải tạo sửa chữa phòng đặt máy chủ và đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin, hệ thống phần mềm tại Chi cục văn thư Lưu trữ thuộc Sở Nội vụ	1106/QĐ-UBND; 11/5/2016	2.177		2.100	1.600	500			
34	Hỗ trợ Nhà làm việc các cơ quan Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Tiên Hải (Theo văn bản số 14866/BTC-ĐT ngày 03/11/2017 của Bộ TC)	8718; 08/12/2014	107.819	13.800	30.000	20.000	10.000			
35	Tuyến đường nối từ đường ĐT.396B với ĐH.76 đi khu Di tích A Sào, huyện Quỳnh Phụ	160; 24/01/2017	44.953		20.000	10.000	10.000			
36	Cầu Xuân Trạch, huyện Quỳnh Phụ	19292; 27/12/2016	22.956		16.860	11.860	5.000			
37	Đường từ QL39 qua UBND xã Thái Hưng đến Nhà lưu niệm chủ tịch Hồ Chí Minh xã Hồng An, huyện Hưng Hà (Đoạn từ cầu Dương Xuân xã Thái Hưng đi cầu Giàng xã Tiến Đức)	10593; 18/12/2013	12.334		9.925	4.925	5.000			
38	Xử lý khẩn cấp cầu Giác trên tuyến đường từ QL.39 đi các xã phía đông bắc huyện Hưng Hà	6543; 28/09/2016	12.481		9.869	4.869	5.000			
39	Xây dựng công trình đường ĐT.457 (đường 222 cũ) đoạn từ cầu Trà Giang đi xã Bình Minh, huyện Kiến Xương	2029; 23/12/2016	182.178		50.000	30.000	20.000			
40	Cải tạo, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn, phòng chống lụt bão đê hữu Trà Lý và đê cửa sông Hữu Trà Lý thuộc các xã Lê Lợi, Nam Cao, Thượng Hiền, H.Kiến Xương	482; 09/05/2014	46.028		33.000	28.000	5.000			

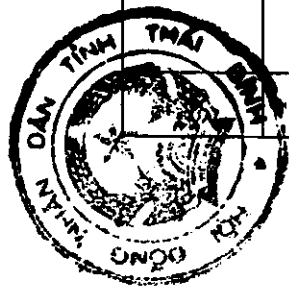
AS



Danh mục dự án

	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
		Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh	Lưu ý kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Dự kiến giải ngân 2016-2020	Đã bố trí năm 2016, 2017	Dự kiến phân bổ	Dự kiến kế hoạch 2018-2020	Trong đó: theo hồ sơ	Chi chú
41	Cải tạo, nâng cấp đường 219 đoạn từ cầu Rạng đến đê hữu Trà Lý, xã Quốc Tuấn, huyện Kiến Xương	1581; 03/11/2015 và 283; 23/3/2017	14.959		8.000	5.000	3.000			
42	Xử lý khẩn cấp Hữu Trà Lý từ K45+900 đến K46+200 và đê cửa sông hữu Trà Lý từ K0 đến K1+800 xã Hồng Thái - Kiến Xương	3408; 25/11/2016	14.600		7.000	2.000	5.000			
B	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2018-2020		11.056.333	63	629.900	800	629.100	50.000	-	-
1	Dự án tuyến đường bộ ven biển đoạn qua tỉnh Thái Bình		1.182.000		20.000		20.000	20.000		
2	Đầu tư xây dựng công trình Khu cảng và dịch vụ cảng cụm công nghiệp, khu du lịch nghỉ dưỡng vui chơi giải trí tại Khu kinh tế Thái Bình thuộc xã Thái Thượng, huyện Thái Thụy (loại phần A: nạo vét lòng tàu biển, xây kè công trình bảo vệ tàu, hạ tầng kỹ thuật và giao thông đến hàng rào cảng)		7.200.000		10.000		10.000	10.000		
3	Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình quy mô 1.000 giường (giai đoạn 2)		1.850.000		20.000		20.000	20.000		
4	Dự án đầu tư xây dựng đoạn tuyến nhánh nối từ QL39 đến dự án BOT (tuyến đường nối từ QL10 đến đường Thái Bình - Hà Nam, đoạn từ QL10 đến sông Trà Lý và cầu vượt sông Trà Lý		124.000		80.000		80.000			
5	Đường DT.454 (chân cầu Tỉnh Xuyên) đi khu di tích lịch sử Hành cung Lỗ Giang và khu lưu niệm nhà bác học Lê Quý Đôn, huyện Hưng Hà		116.500		80.000		80.000			
6	Cải tạo nâng cấp đường DT.455 (đường 216 cũ) đoạn từ QL10 đến đường DT.456		100.000		80.000		80.000			
7	Tuyến đường DT455 (đường 216 cũ) đoạn từ nút giao với đường Thái Bình - Hà Nam đến nút rẽ vào UBND xã Tây Đô, huyện Hưng Hà		86.270		56.000		56.000			
8	Đường ĐH.64, huyện Hưng Hà đoạn từ đường DT.452 đi đường DT.455)		55.000		20.000		20.000			
9	Dự án xây dựng công trình vườn ươm cây giống tại phường Tiến Phong, thành phố Thái Bình, giai đoạn I	2719; 03/10/2016	9.766		7.800		7.800			
10	Cải tạo sửa chữa nhà I Bệnh viện đa khoa tỉnh (đề bố trí cho Trung tâm ung bướu)	2813; 30/10/2017	4.482		3.600		3.600			

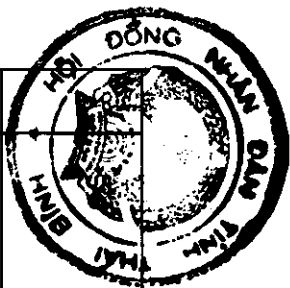
Handwritten signature or mark



Danh mục dự án

STT	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh	Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2015	Dự kiến giai đoạn 2016-2020	Đã bố trí năm 2016, 2017	Dự kiến phân bổ	Dự kiến kế hoạch 2018-2020		Ghi chú
								Tổng số	Trong đó: thu hồi ứng	
11	Đầu tư mua máy siêu âm và hệ thống số hóa X-quang - Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	3 2720; 18/10/2017	4 2.550	5	6 2.100	7	8	9	10	11
12	Dự án đầu tư xây dựng Khoa phẫu thuật Bệnh viện Mắt	2253; 24/8/2017	26.818	0	21.500	100	21.400			
13	Dự án đầu tư xây dựng Nhà điều trị bệnh nhân, trạm biến áp và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện đa khoa Phụ Dược	2750; 20/10/2017	24.046	0	19.200	100	19.100			
14	Dự án đầu tư phần mềm quản lý giáo dục Trường Đại học Thái Bình	32; 08/01/2016	1.500		1.200	-	1.200			
15	Xây dựng nhà hiệu bộ Trường THPT Đông Thụy Anh	2774; 25/10/2017	7.338		5.900	100	5.800			
16	Cải tạo, sửa chữa nhà học 3 tầng 21 phòng học, xây dựng trạm biến áp và hệ thống đường điện Trường THPT Tiên Hưng	2830; 31/10/2017	4.879		3.900		3.900			
17	Xây dựng nhà học 3 tầng 15 phòng học Trường THPT Chu Văn An	2775; 25/10/2017	12.722		10.200	100	10.100			
18	Đầu tư xây dựng nhà học 3 tầng trường THPT Lê Quý Đôn	3123; 31/10/2016	11.318		9.100	100	9.000			
19	Đầu tư xây dựng nhà đa năng, nhà để xe, sân tập thể thao ngoài trời và cải tạo một số hạng mục nhà học 6 tầng trường THPT Chuyên	2014; 22/7/2016	28.210		15.000	-	15.000			
20	Dự án cải tạo, sửa chữa một số hạng mục công trình cấp bách của Trường Chính trị tỉnh	630; 16/3/2017	3.809		3.000	-	3.000			
21	Đầu tư xây mới công trình Khu thực hành nông nghiệp công nghệ cao, sửa chữa Nhà giảng đường và cải tạo một số hạng mục công trình Trường Trung học nông nghiệp	2249; 18/8/2016	9.850		7.900	-	7.900			
22	Xây dựng nhà hiệu bộ, các phòng bộ môn và hạng mục phụ trợ Trường THPT Phạm Quang Thám	2701; 16/10/2017	11.321		9.000		9.000			
23	Xây dựng nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Bình Thanh		10.099		8.100	100	8.000			
24	Xây dựng nhà hiệu bộ và các phòng bộ môn Trường THPT Lý Bôn		17.167		13.800	100	13.700			
25	Nhà học 4 tầng 16 phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Hưng Nhân huyện Hưng Hà	2818; 30/10/2017	14.807		11.800		11.800			
26	Đầu tư san lấp mặt bằng khu đất mở rộng, xây dựng hệ thống thoát nước toàn trường, lát xe giáo viên và lát sân trường - Trường THPT Mê Linh		5.000		4.000		4.000			

11



Danh mục dự án

1	2	3	4	5	6	7	8	Dự kiến kế hoạch 2018-2020		11
								9	10	
		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư ban đầu hoặc điều chỉnh	Lưu ý kế vốn đã bố trí từ trước công đến hết năm 2015	Dự kiến giải ngân 2016-2020	Đã bố trí năm 2016, 2017	Dự kiến phân bổ	Tổng số	Trong đó: thu hồi ứng	Chi chủ
27	Cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất Trung tâm Cai nghiện ma túy và chăm sóc đối tượng xã hội tỉnh Thái Bình	2648; 10/10/2017	4.850		3.900	100	3.800			
28	Dự án đầu tư xây dựng công trình trường quay truyền hình Đài phát thanh và truyền hình Thái Bình	3123a; 31/10/2016	9.150		7.400	-	7.400			
29	Dự án bảo quản, tu bổ phục hồi di tích Miếu Hai thôn, xã Xuân Hòa, huyện Vũ Thư	2708; 17/10/2017	4.938	-	4.500	-	4.500			
30	Đầu tư xây dựng các hạng mục còn lại theo quy hoạch tổng thể Khu lưu niệm nhà bác học Lê Quý Đôn, xã Độc Lập, huyện Hưng Hà		30.000		24.000		24.000			
31	Đầu tư xe truyền hình lưu động Đài phát thanh truyền hình tỉnh		29.920		20.000		20.000			
32	Sửa chữa, xây dựng một số cơ sở vật chất của Trung tâm thông tin công tác tuyên giáo, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	1641; 23/6/2017	4.900		4.500	-	4.500			
33	Phân cấp cơ Hậu cần - Kỹ thuật phía trước trong khu vực phòng thủ tỉnh Thái Bình	2812; 30/10/2017	34.738		27.800	-	27.800			
34	Xây dựng nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ Doanh trại Ban chỉ huy Quân sự huyện Tiên Hải, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	2911; 9/11/2017	9.222		7.400		7.400			
35	Đầu tư xây dựng hệ thống thông tin địa lý (GIS) phục vụ công tác quản lý quy hoạch trên địa bàn tỉnh Thái Bình	1918; 25/8/2015	4.534	63	3.600		3.600			
36	Điều chỉnh, mở rộng Vườn hoa Lê Quý Đôn		2.000		1.600		1.600			
37	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trụ sở cơ quan Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Thái Bình		2.629		2.100	-	2.100			
38	Cải tạo nâng cấp Đường liên xã Quang Trung - Quang Minh - Minh Hưng, huyện Kiến Xương	1919; 22/11/2017	135.000		20.000		20.000			
39	Đền Trần xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà		11.200		3.000		3.000			
40	Tu bổ, tôn tạo Di tích quốc gia Miếu ba thôn, chùa Hưng Quốc, xã Thụy Hải, huyện Thái Thụy (GD 2)		9.500		3.000		3.000			

85